

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 13/2005/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 2005

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 186/2004/NĐ-CP
ngày 05/11/2004 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ***

Thực hiện Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là Nghị định 186/2004/NĐ-CP), Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện các quy định về phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ; giải quyết những tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ như sau:

I. PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm: đất của đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; phạm vi bảo vệ trên không, dưới mặt đất, dưới mặt nước có liên quan đến an toàn công trình đường bộ và an toàn giao thông đường bộ, cụ thể như sau:

- Đất của đường bộ là phần đất trên đó xây dựng các công trình đường bộ sau đây:
 - Đường bộ (nền đường, mặt đường, mép đường, lề đường, hè phố);
 - Cầu đường bộ (cầu vượt sông, cầu vượt khe núi, cầu vượt trong đô thị, cầu vượt đường bộ, cầu vượt đường sắt);
 - Hầm đường bộ (hầm qua núi, hầm ngầm qua sông, hầm chui qua đường bộ, hầm chui qua đường sắt);
 - Công trình chống va trôi, tường, kè chỉnh trị dòng nước, chống sạt lở;
 - Đảo giao thông, dải phân cách, rào chắn, tường hộ lan;

- 1.6. Nơi dừng xe, đỗ xe trên đường, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu, đường, các thiết bị cân, đếm xe;
- 1.7. Hệ thống thoát nước, chiếu sáng, hầm kỹ thuật, kè đường bộ;
- 1.8. Bến phà, cầu phao, nơi cất giữ phương tiện vượt sông;
- 1.9. Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm đèn tín hiệu, biển báo hiệu, giá long môn, cọc tiêu, cột cây số, vạch kẻ đường;
- 1.10. Các mốc đo đạc, cột mốc lộ giới;
- 1.11. Các công trình phụ trợ an toàn giao thông.
2. Hành lang an toàn đường bộ là phần đất dọc hai bên đường bộ (*kể cả phần mặt nước sông, suối dọc hai bên cầu, hầm, bến phà, cầu phao*) nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ, bao gồm các loại:
 - 2.1. Hành lang an toàn đối với đường (*trong đô thị, ngoài đô thị, song song với sông ngòi, kênh rạch, liền kề với đường sắt*);
 - 2.2. Hành lang an toàn đối với cầu, cống đường bộ;
 - 2.3. Hành lang an toàn đối với hầm đường bộ;
 - 2.4. Hành lang an toàn đối với bến phà, cầu phao;
 - 2.5. Hành lang an toàn đối với kè đường bộ.
3. Giới hạn phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường bộ được quy định từ Điều 13 đến Điều 17 Nghị định 186/2004/NĐ-CP. Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định bề rộng hành lang an toàn đối với đường phải căn cứ cấp đường quản lý theo quy hoạch; đối với cầu phải căn cứ vào chiều dài của cầu.
4. Giới hạn phạm vi bảo vệ đối với bến xe, bãi đỗ xe, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu đường và các công trình phục vụ quản lý khai thác đường bộ là phạm vi vùng đất, vùng nước của công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất quy định trong giấy phép sử dụng đất.
5. Phạm vi bảo vệ trên không:
 - 5.1. Công trình đã có trước ngày Nghị định 186/2004/NĐ-CP có hiệu lực mà phạm vi bảo vệ trên không chưa đúng quy định của Nghị định 186/2004/NĐ-CP thì tạm thời

được giữ nguyên hiện trạng.

5.2. Công trình xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo phải bảo đảm đủ phạm vi bảo vệ trên không như sau:

a) Đối với đường bộ chạy dưới cầu vượt thì phạm vi bảo vệ trên không (tính không) tối thiểu là 4,75 (bốn mét bảy lăm) tính từ tim mặt đường đến điểm thấp nhất của cầu vượt không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường;

b) Đối với đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu từ mặt đường tới điểm thấp nhất của đường dây thông tin là 5,50 mét (năm mét năm mươi);

c) Đối với đường dây tải điện đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu của đường dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại bằng 4,50 mét (bốn mét năm mươi) cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp do pháp luật về điện lực quy định.

Chủ công trình lưới điện chịu trách nhiệm đặt và quản lý biển báo hiệu, biển hạn chế chiều cao ở những vị trí giao chéo giữa đường dây tải điện trên cao và đường bộ đi dưới theo quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam và hướng dẫn của đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ.

6. Các công trình thiết yếu *(đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép)* xây dựng ngầm dưới mặt đất, mặt nước trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ phải ở chiều sâu hoặc khoảng cách theo chiều ngang không làm ảnh hưởng đến quản lý, bảo trì, khai thác và sự bền vững công trình đường bộ. Chiều sâu và khoảng cách theo chiều ngang được quy định trong giấy phép thi công do cơ quan có thẩm quyền quản lý đường bộ cấp.

7. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với đường dây thông tin, đường dây tải điện *(đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép)* lắp đặt trên cột điện, cột đường dây thông tin trong hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

7.1. Đối với cột có chiều cao *(tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột)* lớn hơn 3,75 mét (ba mét bảy năm) thì khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh

đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột;

7.2. Đối với cột có chiều cao (*tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột*) nhỏ hơn hoặc bằng 3,75 mét (ba mét bảy năm) thì khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 5 mét (năm mét).

8. Hành lang chồng lấn giữa đường bộ và đường sắt:

Khi hành lang an toàn đường sắt chồng lấn hành lang an toàn đường bộ thì phân định hành lang an toàn được thực hiện trên nguyên tắc ưu tiên bố trí đủ hành lang an toàn đường sắt nhưng phải bảo đảm giới hạn hành lang an toàn đường sắt không đè lên mái taluy hoặc bộ phận công trình của đường bộ, cụ thể:

8.1. Trường hợp công trình đường bộ và đường sắt đi sát nhau có cùng chung rãnh dọc, thì giới hạn hành lang an toàn mỗi đường được phân định như sau:

a) Chân mái nền đường sắt hoặc đường giao tiếp giữa mái nền đường sắt với đáy rãnh dọc ở nơi nền đường sắt cao hơn hoặc bằng nền đường bộ;

b) Chân mái nền đường bộ hoặc đường giao tiếp giữa mái nền đường bộ với đáy rãnh dọc ở nơi nền đường bộ cao hơn đường sắt.

8.2. Trường hợp công trình đường bộ, đường sắt có mép ngoài cùng của công trình sát nhau thì giới hạn hành lang an toàn của mỗi đường là mép ngoài cùng của công trình đó;

8.3. Trường hợp công trình đường bộ, đường sắt có hành lang an toàn chung giữa hai đường nhỏ hơn tổng cộng hành lang an toàn của cả đường sắt và đường bộ theo quy định thì ưu tiên bố trí đủ cho hành lang an toàn đường sắt; trường hợp giới hạn hành lang an toàn đường sắt bố trí đủ sẽ đè lên công trình đường bộ thì giới hạn hành lang an toàn đường sắt là mép ngoài cùng của công trình đường bộ.

9. Các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động hoặc an toàn giao thông đường bộ phải tuân theo quy định sau:

9.1. Lò vôi, lò đúc kim loại, lò gạch, lò thủy tinh, lò gốm phải cách chân đường bộ ít nhất 25m để tránh khói bụi và ô nhiễm không khí làm giảm tầm nhìn của người điều khiển và an toàn vận hành phương tiện tham gia giao thông;

9.2. Nơi họp chợ và các điểm kinh doanh, dịch vụ phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và mọi hoạt động không được để ảnh hưởng đến an toàn giao thông;

9.3. Các kho chứa chất nổ, chất độc, chất dễ cháy, các mỏ khai thác bằng mìn phải nằm ngoài hành lang một khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn giao thông khi hoạt động khai thác hoặc khi xảy ra sự cố mất an toàn;

9.4. Các công trình khác ở ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền phát hiện và yêu cầu khắc phục thì chủ công trình phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình không tự giác thực hiện thì cơ quan quản lý đường bộ lập hồ sơ kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

II. SỬ DỤNG, KHAI THÁC TRONG PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ

1. Đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ và sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ. Nghiêm cấm xây dựng các công trình khác trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ trừ các công trình thiết yếu quy định khoản 2 Mục này.

2. Trong trường hợp khó khăn về địa hình, địa vật hoặc yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật mà không thể xây dựng các công trình thiết yếu ngoài phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ thì cho phép sử dụng tạm thời đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ để xây dựng công trình thiết yếu sau: công trình phục vụ yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng; công trình ngầm đường cáp quang, đường dây tải điện, đường ống cấp nước, cấp xăng dầu, khí đốt; các công trình cột đường dây tải điện, cột đường dây thông tin. Chủ đầu tư công trình thiết yếu phải thực hiện đầy đủ các bước thoả thuận, cấp phép thi công theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời cam kết tự di chuyển công trình khi ngành đường bộ có yêu cầu sử dụng và không đòi bồi thường.